

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Minh.

Ông Trần Đình Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Quốc V, sinh năm 1971.

Cư trú tại: Thôn 15, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: T935 Toyama-ken, Himi-Shi, Kamiizumi 161-1, Japan (Nhật Bản). Đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954.

Đều trú tại: Xóm 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2018 và bản tự khai, nguyên đơn anh Hoàng Quốc V trình bày: Anh và chị Phạm Thị Th tìm hiểu và đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An

vào ngày 08/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh vào chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh để làm việc, đến khoảng năm 2008 thì anh V có xu hướng muốn xuất gia đi tu nên chị Phạm Thị Th đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An sinh sống. Đến tháng 09/2016 thì chị Phạm Thị Th làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian vợ chồng sống ly thân đến khi chị Th đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Gần đây, vợ chồng mới liên lạc được với nhau nhưng không thường xuyên. Do vợ chồng sống ly thân với nhau từ lâu nên không còn tình cảm và hiện nay đã đến thời gian anh Hoàng Quốc V phải hợp thức hóa về thủ tục để xuất gia nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Quốc An B, sinh ngày 09/3/2007, hiện cháu đang ở với ông, bà ngoại (bố mẹ đẻ chị Phạm Thị Th) là ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị L tại xóm 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Ly hôn, giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Do hiện tại chị Th đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên việc trực tiếp chăm sóc cháu Hoàng Quốc An B giao lại cho ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị L. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th không yêu cầu nên anh V cũng thuận theo nguyện vọng của chị Th.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Quốc V đang sinh sống tại tỉnh Lâm Đồng, vì điều kiện ở xa, công việc bận rộn nên anh không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Bị đơn chị Phạm Thị Th vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn như sau: Chị đã biết được việc anh Hoàng Quốc V làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như anh V trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chị vào thành phố Hồ Chí Minh để làm việc. Thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung nên đến khoảng năm 2008 thì vợ chồng sống ly thân, chị về bên ngoại sinh sống. Đến tháng 10/2016, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến khi chị đi xuất khẩu lao động vợ chồng không liên lạc với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh V làm đơn xin ly hôn thì chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung hiện đang ở với ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ chị như anh Hoàng Quốc V trình bày. Ly hôn, chị Th

đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện nay chị đang ở nước ngoài nên nhờ bố mẹ chị chăm sóc cháu trong thời gian chị chưa về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện hiện nay chị Phạm Thị Th đang là thực tập sinh tại Nhật Bản, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L vắng mặt và thống nhất trình bày: Anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th có một người con chung là cháu Hoàng Quốc An B, sinh ngày 09/3/2007. Ông S và bà L là ông bà ngoại cháu, là người trực tiếp chăm sóc, quản lý cháu Hoàng Quốc An B từ năm 2014 đến nay trong thời gian anh V và chị Th đi làm ăn xa. Mọi chi phí sinh hoạt, ăn uống của cháu B đều do chị Th gửi tiền về chu cấp, anh V thỉnh thoảng vẫn gửi cho cháu ít quà vật. Ông, bà không phải bỏ một khoản tiền nào để nuôi cháu B. Nay vợ chồng ly hôn, ông bà không yêu cầu anh V và chị Th phải thanh toán tiền công chăm sóc cháu. Nếu Tòa án giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng, ông bà cam kết sẽ quản lý, chăm sóc cháu chu đáo trong thời gian chị Th đi vắng cho đến khi chị Th về nước để đưa cháu đi theo mẹ.

Tại bản tự khai, cháu Hoàng Quốc An B trình bày: Cháu là con của bố Hoàng Quốc V và mẹ là Phạm Thị Th, cháu ở với ông bà ngoại là ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị L từ năm 2014 đến nay. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Trong thời gian chị Th đi vắng, cháu xin được ở với ông bà ngoại để chờ mẹ về chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Th hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để hòa giải và trực tiếp tham gia phiên tòa được. Ngày 13/8/2018, chị Th đã có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết ly hôn giữa chị với anh Hoàng Quốc V và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Anh Hoàng Quốc V, sau khi nộp đơn khởi kiện, vì điều kiện ở xa, công việc bận rộn nên anh V không thể trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ án. Anh đã có bản tự khai trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng

mặt nhưng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Th và đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng.

Văn bản trình bày của chị Phạm Thị Th gửi cho Tòa án được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka – Nhật Bản xác nhận; văn bản trình bày của anh Hoàng Quốc V gửi cho Tòa án được chính quyền địa phương nơi anh V cư trú xác nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp quản lý cháu Hoàng Quốc An B con chung của anh V và chị Th trong thời gian hai người đi vắng nhưng ông bà không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, anh Hoàng Quốc V vắng mặt nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Phạm Thị Th, chị Th cũng đồng ý ly hôn với anh V. Xét thấy: anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không có tiếng nói chung. Khoảng năm 2008, anh V có xu hướng xuất gia đi tu, chị Th về bên ngoại sinh sống, đến tháng 10/2016 chị Th đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản, hiện nay anh V đang hợp thức hóa thủ tục xuất gia đi tu. Hai người sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2008 đến nay, vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay, cả anh V và chị Th đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai người đều thống nhất ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Hoàng Quốc V được ly hôn với chị Phạm Thị Th.

[3] Về con chung: Anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th có một con chung là cháu Hoàng Quốc An B, sinh ngày 09/3/2007. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Th đưa con về bên ngoại sinh sống, đến khi chị Th đi nước ngoài thì cháu B ở với ông, bà ngoại (bố mẹ đẻ chị Phạm Thị Th) là ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị L tại xóm 3, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Từ khi chị Th đi nước ngoài đến nay, anh V cũng không đưa con về chăm sóc nuôi dưỡng, nay anh V đang làm thủ tục xuất gia đi tu không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Nay ly hôn, anh V và chị Th thỏa thuận giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, cháu Hoàng Quốc An B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng cũng như

thỏa thuận của anh V và chị Th là chính đáng, tự nguyện, đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần giao con chung Hoàng Quốc An B cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Hoàng Quốc V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th chưa yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, khi nào chị Th yêu cầu sẽ được xem xét bằng vụ án khác.

Về việc quản lý con chung: Vợ chồng ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp quản lý cháu Hoàng Quốc An B trong thời gian vợ chồng anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th đi vắng. Tuy nhiên ông Sừu, bà Liên không yêu cầu anh V, chị Th phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu B. Chị Th và cháu B có nguyện vọng để cháu B cho ông Sừu và bà Liên chăm sóc trong thời gian chị Th ở nước ngoài, ông S, bà L cũng tự nguyện cam kết chăm sóc, quản lý cháu B nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Quốc V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th được ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao con chung Hoàng Quốc An B, sinh ngày 09/3/2007 cho chị Phạm Thị Th nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Hoàng Quốc V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Hoàng Quốc An B trong thời gian chị Th ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Phạm Thị Th chưa yêu cầu nên Tòa án không xem xét, khi nào chị Th yêu cầu sẽ được xem xét bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Quốc V và chị Phạm Thị Th không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Hoàng Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000676 ngày 17/4/2018.

[5]. Anh Hoàng Quốc V, ông Phạm Văn S, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; Chị Phạm Thị Th có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thi, huyện Th;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Từ